TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS - PT
Ngày 10 - 12 - 2021
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam

Các Thẩm phán: Ông Hồ Hữu Việt

Ông Ma Hồng Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà La Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2021/TLPT – DS, ngày 04 tháng 10 năm 2021. về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 105/2021/DS - ST, ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2021/QĐ-PT, ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L (tức Lê Thị Bích L), sinh năm 1948;

Địa chỉ: Số nhà 49, tổ 17, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung L1, sinh năm 1958;

Nơi ĐKHK: Thôn L, xã N, huyện Th, thành phố Hà Nội.

Tạm trú: Số nhà 85, tổ 12, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1929;

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979;

Cùng trú tại: Số nhà 02, tổ 16, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Luật sư ông Ma Ngọc K, địa chỉ: Số nhà 04, Ngõ 195, tổ 15, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, cộng tác viên Trung Tâm trợ giúp pháp lý Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

2. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1961;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1992;

Cùng trú tại: Số nhà 04, tổ 16, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị D1, sinh năm 1939;

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979;

Cùng trú tại: Số nhà 02, tổ 16, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978;

3. Chị Phạm Thị Vân A, sinh năm 1982;

Cùng trú tại: Tổ 16, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

4. Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố T - Người đại diện theo pháp luật; ông Nguyễn Văn I; Chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Mạnh C1, chức vụ: Công chức địa chính - xây dựng, UBND phường P.

(*Ông L1, bà N, ông D, ông K đều có mặt tại phiên tòa. Bà L, ông C, bà D1, ông C1, ông T, bà Vân A có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị L và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trung L1 trình bày:

Về nguồn gốc đất: Căn cứ giấy cấp đất thổ cư số 175 ngày 30 tháng 12 năm 1979 của Uỷ ban nhân dân xã Y, mảnh đất có chiều rộng mặt đường 23,5 m, chiều sâu 43,5 m, địa điểm tại Đồi Cây Gia thuộc đội 4, Hợp tác xã Y, thị xã T, tỉnh Hà Tuyên (Nay là thành phố T, tỉnh Tuyên Quang). Ranh giới địa lý phía Bắc giáp gia đình ông C1; phía Nam giáp gia đình ông Ch; Phía Tây Nam giáp gia đình ông H; phía Tây Bắc giáp Bãi xe của Công ty ô tô vận tải tỉnh Hà Tuyên, có tổng diện tích 1.022 m^2. Trước đây, Bà L không nhớ thời gian năm nào, Bà L có cho bà O, hiện nay ở tổ 24, phường P mượn đất, sau đó bà O cho ông C mượn, đến năm 2002 Bà L đòi lại đất nhưng ông C không trả, sau đó ông C bán 1 phần đất lấn chiếm của Bà L cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Vân A, hiện nay anh T và chị Vân A đã xây dựng nhà kiên cố trên 1 phần đất của Bà L khoảng 10m^2 . Căn cứ kết luận giám định số 257/ GĐ - KTHS ngày 24 tháng 9 năm 2014. Căn cứ bản trích đo hiện trạng sử dụng đất, chồng ghép với bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 để phục vụ giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình bà Phạm Thị V và hộ gia đình bà Lê Thị L, tại tổ 26, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo thông báo nộp thuế ngày 26/6/2011 người nộp thuế bà Lê Thị L (Lê Năng Lượng), diện tích chịu thuế 120m^2; địa chỉ thửa đất thửa 175 + 177, tổ 26 phường P. Căn cứ bản đồ xã Y, tờ 19 Kan ngày 10/01/1994 thể hiện Bà L giáp ranh với bà H và ông Y.

Bà L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tiến C, bà Nguyễn Thị L2 chấm dứt hành vi lấn chiếm đất khoảng gần 70 m^2 đất thổ cư. Trả lại cho Bà L, tại thửa số 177, tờ bản đồ số 16 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đo vẽ năm 1983 và năm 1997.

Buộc bà Nguyễn Thị L2 phải tự tháo dỡ chuồng lợn đã xây dựng trái phép trên đất của Bà L.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Vân A tự tháo bỏ công trình xây dựng trên đất lấn chiếm, trả lại diện tích 10m^2 đất cho bà.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Tiến C và người đại diện theo ủy quyền của ông C: *Chị Nguyễn Thị N cùng trình bày:*

Về nguồn gốc đất của gia đình ông Nguyễn Tiến C là do ông C công tác tại Công Ty Thuỷ Sản tỉnh Hà Giang, năm 1988 ông C được Nhà nước cấp đất, đến ngày 18 tháng 02 năm 2008 được Uỷ ban nhân dân thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 205,5m^2 . Ngoài ra phần diện tích khoảng 45m^2 do ông C tự khai phá và sử dụng từ năm 1989 cho đến nay, năm 2017 được UBND phường P thông báo cho ông biết Bà L khởi kiện đòi đất. Còn việc Bà L trình bầy ông C mượn đất của bà O là không đúng. Phần diện tích khoảng 45m^2 hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Bà L.

Về yêu cầu khởi kiện của Bà L đối với diện tích đất khoảng 10 m^2 do anh Nguyễn Văn T sử dụng hiện nay gia đình ông không nắm được. Còn về nguồn gốc là do ông C bán cho anh Bùi Công T1 sau đó anh Bùi Công T1 chuyển nhượng lại cho anh T.

2. Bà Nguyễn Thị L2 trình bày: Năm 1993 bà L2 nhận chuyển nhượng đất của anh trai bà là ông Nguyễn Văn B, sau khi nhận chuyển nhượng gia đình bà sử dụng ổn định, năm 2017 bà L2 được Uỷ ban nhân dân phường P thông báo cho biết Bà L khởi kiện đòi đất. Đối với diện tích đất khoảng 40 m^2 Bà L khởi kiện là do ông C cho bà sử dụng từ năm 1998, quá trình bà sử dụng chưa bao giờ thấy Bà L nói đòi đất, tự nhiên năm 2017 Bà L khởi kiện đòi đất. Toàn bộ diện tích đất của gia đình bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L2 không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị D1 trình bày: Bà là vợ ông C, bà nhất trí ý kiến trình bày của ông C, bà D1 khẳng định nguồn gốc đất là do gia đình bà tự khai phá và sử dụng từ năm 1998 đến nay, vợ chồng bà không mượn đất của ai và không lấn chiếm đất của ai, bà D1 không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Bà L.

2. Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Vân A trình bày: Tháng 11 năm 2015 vợ chồng anh T, chị Vân A nhận chuyển nhượng đất của ông Bùi Công T1 và ông Phạm Mạnh T2, trước khi nhận chuyển nhượng ông T1 và ông T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng anh T, chị Vân A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 03/02/2016, diện tích 100,3m^2. Từ khi nhận chuyển nhượng đất đến nay, vợ chồng anh T, chị Vân A sử dụng đúng diện tích đất đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp, các mặt giáp ranh đất của gia

đình nhà anh T, chị Vân A không có mặt nào giáp ranh với đất nhà bà Lê Thị L. Anh T và chị Vân A không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

3. Uỷ ban nhân dân phường P – Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn I, chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Mạnh C1, chức vụ: Công chức địa chính – Xây dựng UBND phường P trình bày: Ngày 14/6/2008 UBND phường P ra thông báo số 31/ TB – UBND Thông báo kết luận giải quyết đơn đề nghị của bà Lê Thị L đối với thửa đất số 177, tờ bản đồ địa chính số 16, diện tích 268,6m^2 hiện nay gia đình Bà L đang sử dụng diện tích 40,9m^2. Toàn bộ thửa đất này thuộc quyền quản lý của UBND phường P. Việc Bà L đề nghị UBND phường đo đạc và trình Ủy ban nhân dân thị xã xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 40,9m^2 thuộc thửa đất số 177, tờ bản đồ số 16 cho gia đình bà là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Sau khi UBND phường P có Thông báo số 31/TB – UBND ngày 14/6/2008 về việc kết luận giải quyết đơn, gia đình Bà L không nhất trí và đã gửi đơn đề nghị đến UBND thị xã T (nay là thành phố T) đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 177, tờ bản đồ địa chính số 16 mà gia đình Bà L chưa kê khai đăng ký sử dụng.

Ngày 17/8/2008, Ủy ban nhân dân phường P phối hợp cùng tổ trưởng tổ 26 (nay là tổ 17), phường P và gia đình bà Lê Thị L tiến hành đo đạc hiện trạng đất sử dụng của bà Lê Thị L.

Ngày 16/4/2009 Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T; UBND phường P mời bà Lê Thị L (Lê Thị Bích L) để giải quyết vướng mắc về diện tích sử dụng đất của gia đình Bà L tại tổ 26, phường P. Tại buổi làm việc Phòng Tài nguyên và Môi trường đã trả lời Bà L: " Căn cứ vào bản đồ 299, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 và các tài liệu hiện có kết quả giải quyết của UBND phường P, Phòng Tài nguyên và Môi trường khẳng định việc Bà L đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 177, tờ bản đồ địa chính số 16 là không có cơ sở giải quyết.

Ủy ban nhân dân phường P xác định phần đất tranh chấp tại thửa số 177 là đất do UBND phường P quản lý.

Vụ án đã được Toà án nhân dân thành phố T thụ lý, hoà giải nhưng không T1 và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2021/DS-ST ngày 28/7/2021, của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 40; Các Điều 92; Điều 95; khoản 2 Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Các Điều 95; Điều 100; Điều 170; Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị định 181 ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Nghị quyết số 125 ngày 28/6/1971 của Hội đồng chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa về việc tăng cường công tác quản lý rộng đất. Công văn 647/CV-ĐC ngày 31/5/1995 của Tổng

cục địa chính. Thông tư 83 ngày 7/10/1994 của Bộ Tài chính hướng dân thi hành Nghị định 94 ngày 25/8/1994.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Về việc kiện yêu cầu ông Nguyễn Tiến C, bà Nguyễn Thị L2 chấm dứt hành vi lấn chiếm, diện tích đất khoảng 70m^2 đất thổ cư. Có giá trị khoảng 91.000.000đ (*Chín mươi mốt triệu đồng*) tại thửa số 177, tờ bản đồ số 16 đo vẽ năm 1997.

Không chấp nhận yêu cầu kiện của bà Lê Thị L về việc buộc ông Nguyễn Tiến C và bà Nguyễn Thị L2 phải trả lại tích đất khoảng 70m^2 đất thổ cư đã bị lấn chiếm tại thửa số 177, tờ bản đồ số 16 đo vẽ năm 1997.

Không chấp nhận yêu cầu kiện của bà Lê Thị L về việc buộc bà Nguyễn Thị L2 phải tự tháo dỡ chuồng lợn đã xây dựng trái phép trên đất của Bà L.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L buộc anh Nguyễn Văn T tự tháo bỏ công trình xây trên đất đã lấn chiếm.

Giao Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T tiếp tục quản lý diện tích đất còn lại của thửa số 177 tờ bản đồ số 16, tại tổ 26, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2021, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L và các ngày 16 và ngày 24/8/2021 Bà L nộp đơn kháng cáo bổ sung với những nội dung như sau: Nguyên đơn bà Lê Thị L kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 105 ngày 28/7/2021 của Toà án nhân dân thành phố T.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu ông Nguyễn Tiến C, bà Nguyễn Thị L2 chấm dứt hành vi lấn chiếm đất khoảng gần 70 m^2 đất thổ cư. Trả lại cho Bà L diện tích đất lẫn chiếm.

Buộc bà Nguyễn Thị L2 phải tự tháo dỡ chuồng lợn đã xây dựng trái phép trên đất của Bà L.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Vân A tự tháo bỏ công trình xây dựng trên đất lần chiếm, trả lại diện tích 10m^2 đất cho bà.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tờ bản đồ số 16 đo vẽ năm 1997 là tài liệu giả.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Tiến C, chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị không nhất trí với kháng cáo của Bà L.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Tiến C, Luật sư ông Ma Ngọc K không nhất trí yêu cầu kháng cáo của Bà L, đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Tiến D trình bày: Anh không nhất trí với kháng cáo của Bà L.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị D1 là chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không nhất trí với kháng cáo của Bà L.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 105/2021/DS-ST ngày 28/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Về án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ số tiền án phí cho bà Lê Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm, do đó đơn kháng cáo được công nhận là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn HĐXX thấy rằng: Đất của bà Lê Thị L (Tức Lê Thị Bích L) sử dụng có nguồn gốc đất do Uỷ ban nhân dân xã Y cấp (Giấy cấp đất thổ cư số 175 ngày 30/12/1979). Đất có chiều rộng mặt đường 23,5 m, chiều sâu 43,5 m, địa điểm tại Đồi Cây Gia thuộc đội 4, Hợp tác xã Y, thị xã T, tỉnh Hà Tuyên (Nay là thành phố T, tỉnh Tuyên Quang). Ranh giới địa lý phía Bắc giáp gia đình ông C1; phía Nam giáp gia đình ông Ch; Phía Tây Nam giáp gia đình ông H; phía Tây Bắc giáp Bãi xe của Công ty ô tô vận tải tỉnh Hà Tuyên. Quá trình sử dụng đất bà Lê Thị L đã kê khai việc sử dụng diện tích đất được thể hiện tại sổ mục kê đất lưu giữ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T và tại Uỷ ban nhân dân phường P có số thửa và diện tích như sau: Thửa số 175, tờ bản đồ số 16, diện tích 202,8 m^2 tên chủ sử dụng đất bà Lê Thị L; thửa số 176, tờ bản đồ số 16, diện tích 176,2 m^2 tên chủ sử dụng đất chị Lê Thị Hồng Nh (con gái Bà L), đã chuyển nhượng đất cho ông Trần Thế H1, hiện nay con trai ông H1 là ông Trần Thế D3 đang sử dụng; thửa số 182, tờ bản đồ số 16, diện tích 406,5 m^2 tên chủ sử dụng đất anh Lê Văn Ch (con trai Bà L).

Tại sổ mục kê đất, thửa số 177 diện tích 268,6 m^2 đất vườn không kê khai chủ sử dụng đất. Hồ sơ kỹ thuật thửa đất hiện lưu giữ tại Uỷ ban nhân dân phường P: Thửa số 175, diện tích 202,8 m^2 tên bà Lê Thị L; thửa số 176, diện tích 176,2

m^2 tên Lê Thị Hồng Nh; thửa số 182, diện tích 406,5 m^2 tên Lê Văn Ch. Không có hồ sơ kỹ thuật thửa đất của thửa số 177.

Nguồn gốc đất của vợ chồng ông Nguyễn Tiến C và bà Đỗ Thị D1 là năm 1988 ông C được Nhà nước cấp đất, đến ngày 18 tháng 02 năm 2008 được Uỷ ban nhân dân thị xã T (Nay là Uỷ ban nhân dân thành phố T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 205,5m^2 . Ngoài ra phần diện tích khoảng 45m^2 do ông C tự khai phá và sử dụng từ năm 1989 cho đến nay, năm 2017 được UBND phường P thông báo cho ông biết Bà L khởi kiện đòi đất. Còn việc Bà L trình bầy ông C mượn của bà O là không đúng. Phần diện tích khoảng 45m^2 hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Báo cáo số 11/BC-UBND ngày 29/5/2012 của Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố T, về việc giải quyết đơn đề nghị của Lê Thị L trong đó có nội dung: "Đối với thửa đất số 177, tờ bản đồ địa chính số 16, diện tích 268,6 m^2. Hiện tại gia đình bà Lê Thị L đang sử dụng diện tích 40,9 m^2. Toàn bộ thửa đất này thuộc quyền quản lý của Uỷ ban nhân dân phường P. Việc Bà L đề nghị UBND phường P đo đạc và trình Uỷ ban nhân dân thị xã T (Nay là Uỷ ban nhân dân thành phố T) xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 40,9 m^2 thuộc thửa số 177, tờ bản đồ địa chính số 16 cho gia đình Bà L là không có cơ sở để xem xét giải quyết".

Đại diện UBND phường P xác định thửa đất số 177, tờ bản đồ địa chính số 16, phường P, hiên nay có 04 hộ gia đình đang sử dụng đó là:

- Hộ gia đình bà Lê Thị L, tổ 17, phường P đang sử dụng một phần diện tích đất, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hộ gia đình bà Phạm Thị V, ông Bùi Xuân H2, tổ 17, phường P đã được UBND thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 042621; số vào sổ cấp giấy CNQSD đất: H 02149/PT ngày 28/6/2007; Cuối năm 2016 bà V, ông H2 đã chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất thửa số 167 và một phần thửa số 177, tờ bản đồ số 16 cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Vũ Thị H4. Ông H3, bà H4 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 161084, số vào sổ cấp giấy CNQSD đất CS 01624 cấp ngày 03/12/2016.

- Hộ gia đình ông Nguyễn Tiến C, bà Đỗ Thị D1, tổ 16, phường P đang sử dụng một phần diện tích đất, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hộ gia đình bà Nguyễn Thị L2, tổ 16, phường P đang sử dụng một phần diện tích đất, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó Toà án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc yêu cầu ông Nguyễn Tiến C, bà Nguyễn Thị L2 chấm dứt hành vi lấn chiếm diện tích đất khoảng 70 m^2 đất thổ cư, tại thửa số 177, tờ bản đồ số 16 đo vẽ năm 1997 là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn bà Lê Thị L và người đại diện theo uỷ quyền không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Lê Thị L.

Đối với yêu cầu của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tờ bản đồ số 16, đo vẽ năm 1997 là tờ bản đồ giả, nhưng tại phiên toà phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn

không cung cấp được tài liệu chứng cứ, do vậy không có cơ sở xác định tờ bản đồ số 16, đo vẽ năm 1997 là tờ bản đồ giả.

[3]. Đối với tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm: Theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quy định người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, nguyên đơn bà Lê Thị L, (Tức Lê Thị Bích L), sinh năm 1948, Toà án cấp sơ thẩm vẫn yêu cầu nộp số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.275.000 đồng, Bản án sơ thẩm tuyên Bà L được miễn toàn bộ án dân sự sơ thẩm là đúng luật định. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên trả lại tiền tạm ứng án phí Bà L đã nộp cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Lê Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L, (Tức Lê Thị Bích L) giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 105/2021/DS-ST ngày 28/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T như sau:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L (Tức Lê Thị Bích L). Về việc yêu cầu ông Nguyễn Tiến C, bà Nguyễn Thị L2 chấm dứt hành vi lấn chiếm, diện tích đất khoảng 70m^2 đất thổ cư, tại thửa số 177, tờ bản đồ số 16 đo vẽ năm 1997.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc buộc ông Nguyễn Tiến C và bà Nguyễn Thị L2 phải trả lại diện tích đất khoảng 70m^2 đất thổ cư tại thửa số 177, tờ bản đồ số 16 đo vẽ năm 1997, thuộc tổ 16, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc buộc bà Nguyễn Thị L2 phải tự tháo dỡ chuồng lợn đã xây dựng trái phép trên đất của Bà L.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc buộc anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Vân A tự tháo bỏ công trình xây dựng trên đất đã lấn chiếm.

Giao Ủy ban nhân dân phường P tiếp tục quản lý diện tích đất thửa số 177 tờ bản đồ số 16, thuộc tổ 16, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật; (Có mảnh trích hiện trạng thửa sô 177, tờ bản đồ số 16, thẩm định tại chỗ ngày 21/5/2021).

2. Bà Lê Thị L (Tức Lê Thị Bích L) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Lê Thị L (Tức Lê Thị Bích L) số tiền tạm ứng án phí đã nộp

2.275.000 đồng *(Hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005182 ngày 04/5/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Lê Thị L là người cao tuổi nên được miễn số tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 10/12/2021).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tp T;
- Chi cục THADS tp T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Đức Nam